

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2025
V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu

Bà Bùi Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số B Miếu H, phường D, quận L (nay là : Số B Miếu H, phường L), thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số I Đ, phường Đ, quận N (nay là Số I Đ, phường G), thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2025, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T được sự đồng ý của hai bên gia đình và chung sống với nhau như vợ chồng vào từ

năm 1989. Nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Đến nay, ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay xác định tình cảm không còn, sống chung không có hạnh phúc đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T có một con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 07/10/1990 đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T được sự đồng ý của hai bên gia đình và chung sống với nhau như vợ chồng vào từ năm 1989. Nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Đến nay, ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay xác định tình cảm không còn, sống chung không có hạnh phúc bà L đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông, ông đồng ý đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T có một con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 07/10/1990 đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T chung sống với nhau từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy quan hệ giữa bà L và ông T

không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên bà L và ông T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T là vợ chồng; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T có một con chung Phạm Minh T1, sinh ngày 07/10/1990 đã thành niên, bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án các tranh chấp khác về Hôn nhân & gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là ông Phạm Văn T ; nơi cư trú: Số I Đ, phường Đ, quận N (nay là Số I Đ, phường G), thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự thông cảm, sẻ chia với nhau. Đến nay, bà L và ông T đã sống ly thân, không còn quan hệ về

tình cảm và kinh tế. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T có 01 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 07/10/1990, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T có 01 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 07/10/1990 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000411 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng ; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền